TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **12**/2018/DS-PT
Ngày: 27/01/2018
V/v: "Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng sua khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư
Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLPT-HNGĐ ngày 05/12/2017 về "*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 87/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 02/01/2018 và quyết định hoãn phiên Tòa số 07/2017/QĐ-PT ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1964; địa chỉ: 276/48 ấp a, xã b, huyện c, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Huỳnh Phan V, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật gia Huỳnh Văn B – thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2 Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1940

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.3 Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1946

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.4 Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.5 Bà Huỳnh Thị S1, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6 Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1956

Địa chỉ: số 9A, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị S1 ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Đ tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2016).

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Phan V, bà Đỗ Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày: về hôn nhân và nợ chung bà và ông V không kháng cáo.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Huỳnh Thế H, sinh năm 1983 đã trưởng thành và Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1985 bị bệnh não từ trước đến nay vẫn sống với bà. Do Đ bị bệnh không thể tự nuôi sống bản thân nên phải có người chăm sóc, chi phí nuôi mỗi tháng cần trên 1.500.000 đồng. Do vậy bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Đ chết.

Về tài sản chung gồm có căn nhà trị giá 200.000.000 đồng và phần đất vườn trồng dừa diện tích 7.430m^2 thuộc các thửa 999, 1000, 1005 tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Phần đất này có nguồn gốc là do mẹ chồng của bà cho bà và ông V và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất mà các bà C, L, Đ, S1, H yêu cầu chia thừa kế thì bà đồng ý chia 01 công cho những người này. Vì trước khi chết mẹ chồng bà có hứa cho mỗi người con gái 01 công đất, thực tế vào năm 2010 ông V đã cho những người này mỗi người 01 công đất. Trong tổng diện tích đất thửa số 58 theo đo đạc địa chính quy hoạch có diện tích 11.629,2m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích là 11.411,4m^2, theo họa đồ hiện trạng thửa đất đo vẽ ngày 14/7/2016 mà ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một B đất vườn do bà cầm cố của bà S vào năm 1990 với giá

10 chỉ vàng 24K 999 của riêng bà, bà và bà S thỏa thuận nếu đến năm 1995 bà S không chuộc lại được thì bà được quyền sử dụng phần đất đó. Đến năm 1995 bà S không chuộc lại nên bà tiếp tục sử dụng phần đất đó nhưng ông V lại đi đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm lên phần đất bà cầm cố của bà S. Trong phần đất này ông V đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Xuân 2921,2m^2 thuộc thửa 58-1 nhưng chưa sang tên, phần này bà không tranh chấp. Đối với phần tài sản chung của bà và ông V thì bà yêu cầu chia đôi ngôi nhà theo kết quả định giá, bà xin nhận giá trị, phần đất bà yêu cầu chia đôi bà nhận đất, vị trí bà xin nhận từ thửa B-1 trở về hướng Tây theo họa đồ. Đồng thời bà Đồng ý giao cho bà Đ và các chị em khác (trừ bà S) 60.000.000 đồng là giá trị của 1.000m^2 đất vì các chị không tiện quản lý phần đất này. Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá trước đây.

Bị đơn là ông Huỳnh Phan V trình bày: về hôn nhân và nợ chung ông không kháng cáo.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Huỳnh Thế Hiển, sinh năm 1983 đã trưởng thành và Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1985 bị bệnh não từ trước đến nay do bà L chăm sóc. Vì hiện tại thu nhập của ông từ 160 cây dừa mỗi tháng không đủ sinh hoạt nên ông chỉ có khả năng cấp dưỡng cho Đ mỗi tháng 600.000 đồng. Nếu bà L không có khả năng nuôi Đ thì ông sẽ nuôi Đ.

Về tài sản chung: chỉ có 01 ngôi nhà nhỏ, 100 cây mai vàng do bà L và các con của ông đang ở và quản lý. Phần tài sản chung này ông không yêu cầu giải quyết, ông để cho bà L và các con ông quản lý, sử dụng. Đối với căn nhà trị giá 200.000.000 đồng và phần đất vườn dừa diện tích 7.430m^2 thuộc các thửa 999, 1000, 1005 tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre như bà L trình bày mà bà L cho rằng đó là tài sản chung của bà L và ông thì ông không đồng ý vì các tài sản này có nguồn gốc là của mẹ ông chết để lại cho ông vào năm 2010, các chị em của ông đã họp gia đình cho riêng ông nên là tài sản riêng của ông. Phần ngôi nhà như bà L trình bày nhưng tiền xây nhà là tiền do ông bán đất để xây nhà, còn các phần đất bà L trình bày chuyển nhượng của người khác là không có. Ông thống nhất với kết quả đo đạc, định giá trước đây.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà C, L, Đ, S1, H thì ông không đồng ý. Trên thực tế cha mẹ ông có hứa cho những người chị của ông mỗi người 01 công đất. Đến năm 2010 khi cha mẹ ông chết thì những người này đã nhận 04 công đất và đã bán lại cho người khác, còn bà S nhận phần đất vườn hiện tại và bà còn nhận quản lý khoảng 2.000m^2 đất là đủ so với lời hứa của cha mẹ ông. Do vậy ông không đồng ý chia thêm cho các chị và bà L phần đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị S1, Huỳnh Thị H ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Đ trình bày: phần đất mà ông V được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của cha mẹ bà để lại cho các chị em bà. Do gia đình chỉ có ông V là con trai nên anh chị em thống nhất để cho ông V đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế phần đất này của cha mẹ để lại là chưa chia, trước khi chết cha mẹ bà không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu chia phần đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V cho 05 chị em của bà (không tính bà S) thêm 1.000m^2 đất, vị trí đất bà xin nhận là liền kề với bà L, bà và các chị em đồng ý nhận giá trị và đưa đất lại cho bà L để bà L có lối đi. Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá trước đây.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị L trình bày: phần đất mà ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của cha mẹ bà để lại cho các chị em bà. Do gia đình chỉ có ông V là con trai nên anh chị em thống nhất để cho ông V đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế phần đất này của cha mẹ để lại là chưa chia, trước khi chết cha mẹ bà không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu chia phần đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V cho 05 chị em của bà (không tính bà S) thêm 1.000m^2 đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị S trình bày: bà không yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của cha mẹ bà để lại, bà xin được vắng mặt khi giải quyết vụ án, phần đất hiện nay mà bà đang quản lý, sử dụng mà ông V cho rằng có nguồn gốc của cha mẹ bà là không đúng, phần đất này của ông bà nội bà đã cho bà vì bà sống với ông bà nội của bà từ nhỏ.

Tại bản án số 87/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

Áp dụng Điều 59, 61, 62, 81, 82, 83, 84, 110 và 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:

1.Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Huỳnh Phan V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Huỳnh Tấn Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2016, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần cho đến khi Huỳnh Tấn Đ chết.

Việc chấm dứt nghĩa vụ được thực hiện theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn được pháp luật bảo vệ.

2.Về tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của bà Đỗ Thị L đối với ông Phan Huỳnh V, cụ thể: bà Đỗ Thị L được quyền sử dụng đối với phần đất

thửa C có diện tích 991,6m^2 và thửa B-2 có diện tích 1.253,7m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Bắc.

Ông Huỳnh Phan V được sở hữu toàn bộ cây trồng trên các thửa đất A, B-1 B-2; B- 3; B-4 có giá trị là 89.920.000 đồng. Tài sản riêng: ông Huỳnh Phan V được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 5.244,9m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa 58 tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ký hiệu là A; B-3; B-4, B-1, B- 2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Bắc.

Buộc bà L phải trả lại cho ông V giá trị cát san lấp là 20.188.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C đối với ông Phan Huỳnh V. Cụ thể: buộc ông Phan Huỳnh V phải giao cho bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C phần đất có diện tích 1.000m^2 thửa B-1A, B-1 thuộc một phần thửa 58 tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nhưng các bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C đồng ý giao lại 1.000m^2 đất cho bà L, bà L có nghĩa vụ giao lại 60.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C.

Bà L có nghĩa vụ giao lại cho ông V số tiền là giá trị cây trồng trên thửa đất B-1A; B-1 B-1 là 17.750.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2017 ông Huỳnh Phan V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án đối với phần cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Ngày 11/10/2017 bà Đỗ Thị L kháng cáo một phần án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chia thêm cho bà L phần đất ngoài phần mà cấp sơ thẩm đã được chia.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà L vẫn giữa yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo. Ông V giữ nguyên quan điểm kháng cáo.

Luật gia bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: đề nghị HĐXX xem xét thu nhập của bị đơn đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về phần tài sản chung thì phần C, phần B3 là tài sản chung mà giao cho bà L là không hợp lý. Phần A chưa xác định được định suất của từng thành viên trong hộ, chưa đo đạc, định vị.

Phần chia cho các chị của ông V thì đã chia theo di Ng để lại, các bà đã nhận đủ 6.000m^2 nên không chia nữa. Đề nghị HĐXX huỷ án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: ông V cho rằng thu nhập thấp nhưng chính quyền địa phương xác nhận thu nhập của ông V mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, do đó cấp sơ thẩm buộc ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp. Đối với phần tài sản chung thì các bên đương sự đều thừa nhận đất là của cha mẹ để lại. Thời điểm tập đoàn trả đất thì bà L là thành viên trong hộ gia đình ông V. Tại thời điểm đó, tập đoàn chia bình quân mỗi người 900m^2. Bà L yêu cầu được chia 700m^2 nhận bằng giá trị là có căn cứ. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông V, chấp nhận kháng cáo của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng và yêu cầu chia tài sản chung gồm nhà và đất. Ông V cho rằng thu nhập thấp, không đủ sinh hoạt nên ông chỉ có khả năng cấp dưỡng cho Đ mỗi tháng 600.000 đồng. Cả ông V và bà L đều thừa nhận Đ bị bệnh bẩm sinh phải có người phục vụ. Từ trước đến nay, Đ do bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác minh của tòa án cấp sơ thẩm thì thu nhập hàng tháng của ông V từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy, bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với khả năng của ông V và cũng phù hợp với giá cả thị trường tại địa phương ở thời điểm hiện tại. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp. Đối với kháng cáo của ông V về phần tài sản chung là không có cơ sở vì ông không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, toàn bộ kháng cáo của ông V là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà L về yêu cầu chia tài sản chung, HĐXX xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thừa nhận phần A thuộc thửa đất số 58 tờ bản đồ số 22 có diện tích 2.439,4m^2 trước đây gia đình ông V đưa vào tập đoàn, sau này tập đoàn khoán lại. Bà L cho rằng tại thời điểm mà tập đoàn khoán lại đất thì hộ gia đình ông V có 04 người gồm cha mẹ ông V, ông V và bà L. Ông V cho rằng có 06 người. Tuy nhiên, tại thời điểm đó thì 02 người con chung của bà L và ông V chưa có nên có căn cứ xác định thời điểm tập đoàn khoán lại đất thì hộ gia đình ông V gồm 04 người, trong đó có bà L. Do đó, kháng cáo của bà L yêu cầu được chia thêm một phần đất tại phần A của thửa đất số 58 với diện tích là 2.439,4m^2 là có cơ sở. Cụ thể bà L được chia thêm phần đất có diện tích 610m^2. Tuy nhiên, trên phần đất này có căn nhà của ông V, các bên đương sự đều không tranh chấp căn nhà nên buộc ông V phải có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị cho bà L theo giá của Hội đồng định giá là

phù hợp. Ông V phải thanh toán cho bà L số tiền là 610m^2 x 60.000đồng/m^2 = 36.600.000 đồng.

Đối với phần đất mà ông V đã bán do các đương sự không tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ nên sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, bác yêu cầu kháng cáo của ông V.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị L về chia tài sản chung, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Phan V, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 87/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Áp dụng Điều 59, 61, 62, 81, 82, 83, 84, 110 và 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:

1.Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Huỳnh Phan V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Huỳnh Tấn Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2016, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần cho đến khi Huỳnh Tấn Đ chết.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn được pháp luật bảo vệ.

Việc chấm dứt nghĩa vụ được thực hiện theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

2.Về tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của bà Đỗ Thị L đối với ông Phan Huỳnh V, cụ thể: bà Đỗ Thị L được quyền sử dụng đối với phần đất thửa C có diện tích 991,6m^2 và thửa B-2 có diện tích 1.253,7m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Bắc (có họa đồ kèm theo). Cụ thể:

Phần đất thửa C có tứ cận:

Đông: dài 20,29 mét tiếp giáp thửa đất số 57 tờ bản đồ số 22.

Tây: dài 6,19 + 9,97 + 5,38 + 3,25 mét tiếp giáp rạch.

Nam: dài 54,69 mét tiếp giáp thửa B-2, tờ bản đồ số 22.

Bắc: dài 41,45 mét tiếp giáp thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22.

Phần đất thửa B-2 có tứ cận:

Đông: dài 12,73 mét tiếp giáp thửa đất B-1 tờ bản đồ số 22.

Tây: dài 12,20 mét tiếp giáp rạch.

Nam: dài 103,46 mét tiếp giáp thửa B-3, tờ bản đồ số 22.

Bắc: dài 54,69 + 45,01 mét tiếp giáp thửa đất C và thửa số 57 tờ bản đồ số 22.

Ông Huỳnh Phan V được sở hữu toàn bộ cây trồng trên các thửa đất A, B-1 B-2; B- 3; B-4 có giá trị là 89.920.000 đồng. Tài sản riêng: ông Huỳnh Phan V được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 5.244,9m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa 58 tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ký hiệu là A; B-3; B-4, B-1, B- 2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Bắc (có họa đồ kèm theo). Cụ thể:

Phần đất thửa A có tứ cận:

Đông: dài 30,19 mét tiếp giáp thửa 12 + 13,14 mét tiếp giáp thửa 24.

Tây: dài 37,15 mét tiếp giáp thửa 58-1.

Nam: dài 30,19 mét tiếp giáp thửa 51 + 32,51 mét tiếp giáp thửa 59.

Bắc: dài 58,61 mét tiếp giáp thửa đất số 23 tờ bản đồ số 22.

Thửa B-3 có tứ cận:

Đông: dài 7,99 mét tiếp giáp thửa B-1.

Tây: dài 4,55 mét tiếp giáp rạch.

Nam: dài 105,86 mét tiếp giáp thửa B-4.

Bắc: dài 105,86 mét tiếp giáp thửa đất B-3 tờ bản đồ số 22.

Thửa B-4 có tứ cận:

Đông: dài 7,77 mét tiếp giáp thửa B-1.

Tây: dài 7,57 mét tiếp giáp rạch.

Nam: dài 108,01 mét tiếp giáp thửa 76.

Bắc: dài 105,86 mét tiếp giáp thửa đất B-3 tờ bản đồ số 22.

Phần đất thửa B-1 B-2 có tứ cận:

Đông: dài 14,65 mét tiếp giáp thửa 58-1.

Tây: dài 7,99 + 7,77 mét tiếp giáp thửa B-3; B-4 tờ bản đồ số 22.

Nam: dài 74,18 mét tiếp giáp thửa 76 tờ bản đồ số 22.

Bắc: dài 76,17 mét tiếp giáp thửa B-1A; B-1 tờ bản đồ số 22.

Buộc bà Đỗ Thị L phải trả lại cho ông Huỳnh Phan V giá trị cát san lấp là 20.188.000 đồng (hai mươi triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Buộc ông Huỳnh Phan V phải thanh toán cho bà Đỗ Thị L số tiền 36.600.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C đối với ông Phan Huỳnh V. Cụ thể: buộc ông Phan Huỳnh V phải giao cho bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C phần đất có diện tích 1.000m^2 thửa B-1A, B-1 B-1 thuộc một phần thửa 58 tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thanh Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nhưng các bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C đồng ý giao lại 1.000m^2 đất cho bà L, bà L có nghĩa vụ giao lại 60.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị C.

Phần đất bà Đỗ Thị L được nhận thửa B-1A; B-1 B-1 có tứ cận:

Đông: dài 11,95 mét tiếp giáp thửa đất 58-1 tờ bản đồ số 22.

Tây: dài 11,23 mét tiếp giáp thửa B-2.

Nam: dài 76,17 mét tiếp giáp thửa B1 B-2 tờ bản đồ số 22.

Bắc: dài 77,71 mét tiếp giáp thửa đất số 57 tờ bản đồ số 22.

Bà L có nghĩa vụ giao lại cho ông V số tiền là giá trị cây trồng trên thửa đất B-1A; B-1 B-1 là 17.750.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Buộc các bên phải chịu 1/3 chi phí đo đạc định giá là 1.806.000 đồng nhưng do bà L đã tạm nộp 3.707.000 đồng, bà Đ tạm nộp 1.710.500 đồng nên ông V phải hoàn trả cho bà L 1.805.500 đồng (một triệu tám trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng), bà H, bà C, bà L, bà S1 và bà Đ liên đới hoàn trả cho bà L 95.500 đồng (chín mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí không có giá ngạch: Buộc ông Huỳnh Phan V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Án phí có giá ngạch: Buộc bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị C phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị S1 (Sen), Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị C mỗi người 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0009458; 0009456; 0009455; 0009454; 0009457 cùng ngày 05/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Ông Huỳnh Phan V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 67.970.000 đồng = 3.398.500 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Bà Đỗ Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 196.568.000 đồng = 9.828.000 đồng (chín triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.144.000 đồng theo biên lai thu số 0021197 ngày 15/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên bà Đỗ Thị L còn phải nộp 2.684.000 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Phan V phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008766 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc là đủ.

Bà Đỗ Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008763 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án, hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư